Thành viên Becamex IDC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
21 VSIP2, ĐƯỜNG SỐ 1, KCN VSIP2, P. HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG
Điện thoại: 0650 2220222 - Fax: 06503635200 – Hotline: 1900 9400

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

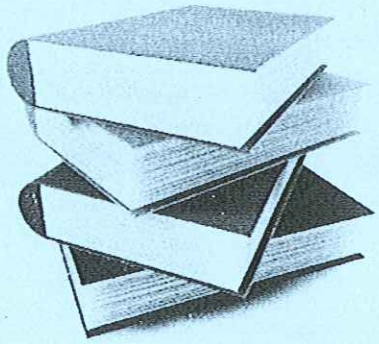

Bình Dương, tháng 06 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 1

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng 1

Điều 2. Giải thích từ ngữ 1

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin 3

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin 3

Điều 5. Phương tiện và hình thức công bố thông tin 4

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin 5

CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM 5

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ 5

Điều 8. Công bố thông tin bất thường 8

Điều 9. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cổ đông hiện hữu. 10

Điều 10. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn 10

Điều 11. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ 11

Điều 12. Công bố thông tin việc phát hành thêm cổ phiếu 11

Điều 13.Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác 12

Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu 12

CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN 13

Điều 15. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn 13

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty 13

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai 14

CHƯƠNG IV: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN 15

Điều 18. Quy trình Công bố thông tin 15

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN 16

Điều 19. Tổ chức thực hiện 16

Điều 20. Hiệu lực thi hành 17

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11../2018/QĐ-HĐQT, ngày 15.. tháng 06 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT) theo đúng quy định của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này bao gồm:
   - Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.
   - Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty.
   - Người có liên quan đến công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty: là Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.
2. Thị trường giao dịch chứng khoán: là địa điểm hoặc hình thức trao đổi thông tin để tập hợp lệnh mua, bán và giao dịch chứng khoán.
3. Chứng khoán: là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu
4. đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành.
5. Cổ phần: là phần vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau.
6. Cổ phiếu: là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành nhằm xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của cổ đông góp vốn trong Công ty.
7. Trái phiếu: là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.
8. Chứng chỉ quỹ: là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ đại chúng.
9. Niêm yết: là việc đưa các cổ phiếu có đủ tiêu chuẩn vào đăng ký và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
10. ĐHĐCĐ: là Đại hội đồng cổ đông.
11. HĐQT: là Hội đồng quản trị.
12. BKS: là Ban kiểm soát.
13. CBTT: là công bố thông tin.

14. VSD: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
15. TVCK: là công ty tư vấn chứng khoán.
16. IDS: Hệ thống tiếp nhận và CBTT công ty đại chúng.
17. UBCKNN: là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
18. SGDCK HCM: là Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.
19. SGDCK HN: là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
20. BCTC: là Báo cáo tài chính.
21. CLQ: có liên quan.
22. TGĐ: Tổng Giám đốc
23. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
    a. Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
    b. Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
    c. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty;
    d. Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
    e. Công ty mẹ, công ty con;
    f. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
24. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
    a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
    b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
    c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
    d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
25. Người nội bộ của Công ty là:
    a. Thành viên Hội đồng quản trị;
    b. Thành viên Ban kiểm soát;
    c. Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc;
    d. Kế toán trưởng, Trưởng phòng Quản lý Tài chính;
    e. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
26. Ngày công bố thông tin: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

27. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin: là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

28. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

29. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

30. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b. Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin (Người công bố thông tin) có đầy đủ thẩm quyền và chịu trách nhiệm công bố thông tin chính thức của Công ty đối với UBCKNN, SGDCK, các cơ quan chức năng và cơ quan báo chí theo quy định của Pháp luật và Quy chế này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi có sự thay đổi.

2. Các nguyên tắc CBTT được áp dụng tại Điều 3 của Thông tư 155/2015/TT- BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện pháp luật hoặc cá nhân được ủy quyền.

a. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

b. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu **24 giờ** trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là tổ chức tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện theo quy định của thông tư 155/2015/TT-BTC và pháp luật.

3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Công ty, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) theo quy định của pháp luật hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau

a. Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư 155/2015/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b. Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo thông tư 155/2015/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư 155/2015/TT-BTC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu **24 giờ** trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

4. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của thông tư 155/2015/TT-BTC và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời thông qua các phương tiện công bố thông tin như sau:

a. Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;

b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c. Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;

d. Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;

e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Công ty sử dụng trang thông tin điển tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a. Công ty phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời **hạn 03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch, Quy chế Công bố thông tin và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại thông tư 155/2015/TT-BTC;

c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

Công ty, tổ chức phát hành, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng, Công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK và thực hiện việc công bố thông tin trong thời gian ngắn nhất ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

2. Việc tạm hoãn công bố thông tin phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và Công ty, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

CHƯƠNG II
NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật và kế toán doanh nghiệp;

b. Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận

toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của công ty;

c. Thời hạn công bố báo cáo tài chinh năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá **90** ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

2. Báo cáo tài chính bán niên

Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn **05 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá **45 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo Tài chính quý

a. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Toàn văn báo cáo tài chính phải được công bố đầy đủ.

b. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn **05 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

4. Các nội dung cần giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

a. Khi công bố thông tin các loại báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt

động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là **20 ngày** sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá **120 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

6. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp,
- Chương trình họp, phiếu biểu quyết,
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị;
- Tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

c. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty đại phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công

d. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty công bố thông trong vòng **24 giờ** kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan theo Luật Chứng khoán;

j. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

k. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, Công ty công bố thông tin trong vòng **10 ngày đầu tiên** của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

l. Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung;

m. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng **03 ngày làm việc** kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;

n. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

o. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

p. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ **30%** vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

q. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

s. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

t. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

u. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Quy chế này;

b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất **10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 9. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cổ đông hiện hữu.

Công ty báo cáo và nộp đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất **10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 10. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty công bố Bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết có phạm vi phát hành toàn quốc trong ba số liên tiếp theo mẫu tại Phụ lục số 11 và 12 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Công ty phải báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trong thời hạn mười **(10) ngày**, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tài liệu báo cáo và công bố thông tin về kết quả chào bán bao gồm:

a. Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục số 13 và 14 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC;

b. Xác nhận của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản phong toả về số tiền thu được từ đợt chào bán (ngoại trừ trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi quy định tại Chương III Thông tư 162/2015/TT-BTC).

3. Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, **định kỳ 06 tháng** kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng **10 ngày** kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Công ty công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp

Điều 11. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Trong thời hạn bảy **(07) ngày làm việc** kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ được thực hiện ít nhất sau bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Công ty công bố thông tin.

2. Trong thời hạn mười **(10) ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin ra công chúng theo mẫu tại Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Trong trường hợp Công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Công ty báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

3. Công ty khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 12. Công bố thông tin việc phát hành thêm cổ phiếu

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu, Công ty công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc phát hành theo thời hạn như sau:

a. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất bảy **(07) ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại

Phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

b. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất bảy **(07) ngày làm việc** trước ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin ra công chúng theo thời hạn như sau:

a. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn mười lăm **(15) ngày** kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

b. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn mười lăm **(15) ngày** kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động theo mẫu tại Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

3. Công ty tiến hành đăng ký niêm yết/ giao dịch bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành trong thời hạn mười lăm **(15) ngày** kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo kết quả phát hành cho tổ chức phát hành cho Công ty.

Điều 13. Công bố thông tin trong các trường hợpđặc biệt khác

1. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

2. Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

3. Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng **24 giờ**, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG III
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC trong thời hạn **07 ngày**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty trong thời hạn **07 ngày**, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là **03 ngày làm việc**, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho,

tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá **30 ngày**, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau **24 giờ** kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty hoặc chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

   Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp công ty mẹ của Công ty hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên…) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Cá nhân, tổ chức khi đăng ký chào mua công khai phải đính kèm Hồ sơ Bản công bố thông tin chào mua công khai theo mẫu tại phụ lục số 29 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT0BTC.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước báo cáo kết quả chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về kết quả chào mua công khai trên phương tiện thông tin đại chúng bao gồm trang thông tin của Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp cổ phiếu được chào mua công khai chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khaons.

Báo cáo kết quả chào mua công khai được lập theo mẫu tại phụ lục số 30 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

CHƯƠNG IV
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 18. Quy trình Công bố thông tin

Quy trình này áp dụng cho việc công bố thông tin của Công ty và trường hợp Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin ủy quyền cho Công ty công bố thông tin.

1. Sơ đồ công bố thông tin

Bước	Trách nhiệm	Trình tự thủ tục
1	Các phòng ban/Nhà đầu tư	Gửi thông tin
2	Người được ủy quyền công bố thông tin	Xử lý thông tin
3	Người được ủy quyền công bố thông tin	Báo cáo người đại diện pháp luật
4	Người được ủy quyền công bố thông tin	Báo cáo và công bố
5	Thư ký HĐQT	Bảo quản và lưu

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh công bố thông tin theo quy định, các đơn vị thuộc Công ty hoặc nhà đầu tư phải tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố và gửi đến **Người được ủy quyền công bố thông tin**. Thời hạn các phòng ban, nhà đầu tư gửi tài liệu và thông tin cần công bố cho Người được ủy quyền công bố thông tin như sau:

- Đối với thông tin định kỳ: Chậm nhất **02 ngày làm việc** trước thời hạn công bố thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

- Đối với thông tin bất thường, thông tin ảnh hưởng đến giá chứng khoán, thông tin cung cấp yêu cầu: Trong vòng **12 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện, Trưởng phòng ban thuộc Công ty (nơi có phát sinh cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin.
- Đối với các thông tin cần công bố khác: Chậm nhất **01 ngày làm việc** trước thời hạn phải công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các Phòng ban Công ty hoặc nhà đầu tư cung cấp, **Người được ủy quyền công bố thông tin** kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định theo Quy chế này và pháp luật.

Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng theo quy định của Quy chế này và pháp luật, **Người được ủy quyền công bố thông tin** đề nghị phòng ban Công ty hoặc nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp trong thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Bước 3: Xử lý thông tin

Người được ủy quyền công bố thông tin báo cáo người đại diện pháp luật các thông tin công bố.

Bước 4: Báo cáo và công bố

Người được ủy quyền công bố thông tin, văn phòng HĐQT gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước , Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán theo đúng thời hạn quy định, đồng thời thực hiện đăng tải nội dung trên công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Bước 5: Bảo quản và lưu trữ

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được Văn phòng HĐQT lưu trữ bằng văn bản, Công ty lưu trữ file dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này để phục vụ các nhà đầu tư trong việc tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.

CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.
2. Quy chế công bố thông tin được phổ biến đến các Phòng ban.
3. Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử

phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đồng thời bồi thường theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế công bố thông tin gồm 20 Điều, 05 Chương được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam thống nhất thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Các phòng ban thuộc Công ty và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3700861493 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM TP. THỦ DẦU MỘT T. BÌNH DƯƠNG

GIANG QUỐC DŨNG

DANH MỤC

Các mẫu phụ lục liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty

(Các phụ lục được ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và Thông tư 162/2015/BTC)

STT	Số	Tên phụ lục
Thông tư 155/2015/TT-BTC		
1	Phụ lục 01	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Tổ chức)
2	Phụ lục 02	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Cá nhân)
3	Phụ lục 03	Bản cung cấp thông tin
4	Phụ lục 04	Báo cáo thường niên
5	Phụ lục 05	Báo cáo tình hình quản trị Công ty
6	Phụ lục 06	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng
7	Phụ lục 07	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng.
8	Phụ lục 10	Thông báo giao dịchcổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
9	Phụ lục 11	Thông báo giai dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan.
10	Phụ lục 12	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan.
11	Phụ lục 13	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ, và người có liên quan.
Thông tư 162/2015/TT- BTC		
12	Phụ lục 11	Mẫu thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng
13	Phụ lục 12	Mẫu thông báo phát hành trái phiếu ra công chúng
14	Phụ lục 13	Mẫu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng
15	Phụ lục 14	Mẫu báo cáo kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng
16	Phụ lục 19	Mẫu công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

17	Phụ lục 20	Mẫu công bố thông tin phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
18	Phụ lục 21	Báo cáo kết quả phát cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu.
19	Phụ lục 22	Mẫu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
20	Phụ lục 24	Công bố thông tin giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ.
21	Phụ lục 25	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ.
22	Phụ lục 29	Mẫu công bố thông tin chào mua công khai
23	Phụ lục 30	Mẫu báo cáo kết quả chào mua công khai

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	Thông tin công bố	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố
1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (năm).	**30/1** (chỉ áp dụng Công ty niêm yết)	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
2	Báo cáo tài chính quý IV (năm trước)	**20 ngày** kể từ ngày kết thúc quý, hoặc 30 kể từ ngày kết thúc quý nếu được UBCKNN gia hạn	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; Hoặc 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được UBCKNN gia hạn	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
4	Báo cáo thường niên	20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán, và không vượt quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
5	Báo cáo tài chính quý I	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, hoặc nếu được UBCKNN gia hạn thì tối đa là 30 ngày, kể từ này kết thúc quý.	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
6	Báo cáo tình hình quản trị (bán niên)	30/7 (chỉ áp dụng Công ty niêm yết)	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
7	Báo cáo tài chính quý II	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, hoặc nếu được UBCKNN gia hạn thì tối đa là 30 ngày, kể từ này kết thúc quý	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
8	Báo cáo tài chính bán niên	Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính; Trường hợp được UBCKNN gia hạn thì tối đa là 60 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
9	Báo cáo tài chính quý III	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, hoặc nếu được UBCKNN gia hạn thì tối đa là 30 ngày, kể từ này kết thúc quý	
10	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (kèm theo	**10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội**	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT

	các hồ sơ quy định)		
11	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	**10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội**	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
12	Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên	24h kể từ thời điểm được thông qua	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
13	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ	6 tháng/lần kể từ ngày kết thúc chào bán	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ BẤT THƯỜNG VÀ THEO YÊU CẦU

STT	Thông tin công bố	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố
1	Tài khoản bị phong tỏa hoặc hoạt động trở lại sau phong tỏa	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
2	Tạm ngừng kinh doanh hoặc bị thu hồi GCN ĐKDN, bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành đầu tư, kinh doanh	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
3	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm Nghị quyết, Biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản)	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
4	Quyết định của HĐQT về một số vấn đề có liên quan	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
5	Báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, không chấp nhận hoặc từ chối; thông tin về công ty kiểm toán, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
6	Thay đổi nhận sự chủ chốt của Công ty.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
7	Quyết định khởi tố bản án, quyết định của Tòa án đối với nhân sự chủ chốt của Công ty hoặc liên quan đến Công ty; Kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật thuế; Quyết định tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối với người nội bộ của Công ty.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
8	Thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
9	Quyết định vay phát hành trái phiếu có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; trái phiếu chuyển đổi.	24 h kể từ khi xảy ra	
10	Thay đổi nội dung GCN ĐKDN, GPHĐ	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
11	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm; mua bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán được đăng ký tại TTLKCK	24 h kể từ khi xảy ra	
12	Sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD/tình hình quản trị của Công ty.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
13	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
14	Quyết định tăng, giảm vốn Điều lệ, quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT

	năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn Điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn Điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).		
15	Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT về việc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
16	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh công ty liên kết; Đóng mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
17	Giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do công ty phải công bố thông tin khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
18	Được chấp thuận hoặc bị bị hủy niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
19	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
20	Có thông tin ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	24 h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
21	Báo cáo phát hành trái phiếu	6 tháng/lần kể từ ngày kết thúc chào bán	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
22	Thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin	5 ngày trước khi thay đổi	UBCKNN, SGDCK, Website VNTT
23	Công bố về việc nhận được đề nghị chào mua công khai	3 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	SGDCK, Website VNTT
	Ý kiến của HĐQT Công ty về đề nghị chào mua công khai.	10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	Ý kiến của HĐQT phải thể hiện bằng văn bản. Tài liệu gửi UBCKNN phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định của UBCKNN.